|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH SƠN LA  **SỞ Y TẾ**    Số: /BC-SYT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Sơn La, ngày*  *tháng 7năm 2025* |

DỰ THẢO

# BÁO CÁO

**Tổng kết việc thi hành chính sách trợ giúp xã hội theo**

**Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiên quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/2/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Sở Y tế đã tiến hành tổng kết việc thi hành chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**

- Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Tại khoản 3 điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế* *- xã hội tại địa phương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn không thấp hơn* *mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*. Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La, theo đó tỉnh Sơn La áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng với mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP *(Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng)*.

Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội *(Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024)*: Tại khoản 1, Điều 1 quy định ***Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng****.* Do đó, nội dung quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội tại khoản 3, Điều 1, mức trợ giúp xã hội tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Do vậy, để kịp thời sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các văn bản của địa phương đảm bảo các quy định về chế độ, chính sách và hiệu lực thi hành phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể, đề nghị bãi bỏ Nghị quyết số26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La**.**

Ngày 27/5/2025, Sở Y tế ban hành Công văn số 1405/SYT-BT&PCTNXH về báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La, gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh. Căn cứ kết quả báo cáo, Sở Y tế tổng hợp kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.**

- Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La được ban hành đúng quy định, có tính khả thi cao, tác động tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân và công tác quản lý nhà nước của Sở, ngành, địa phương; không bị chồng chéo về thẩm quyền và nội dung, bảo đảm chất lượng, đáp ứng được đòi hỏi tình hình thực tiễn kịp thời trong triển khai chính sách trợ giúp xã hội.

- Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Lao động - TB&XH đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương và các cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh đã phối hợp với Sở Lao động - TB&XH trong hướng dẫn, truyền thông, giám sát tổ chức thực hiện các chế độ chính sách trợ giúp xã hội. Sở Tài chính đã bảo đảm, bố trí kinh phí để các địa phương và các cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND.

- Các địa phương tổ chức hoạt động tuyên truyền phổ biến chính sách, tập huấn cán bộ, chỉ đạo rà soát, thống kê đối tượng, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội. Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, tập huấn đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân và triển khai thực hiện tốt các chế độ chính sách trợ giúp xã hội.

**2. Kết quả thi hành chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.**

2.1. Công tác trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

- Từ năm 2022 đến 30/6/2024, đã có 130.100 lượt đối tượng được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyêntại cộng đồng, với số tiền 638.151.238 nghìn đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số đối tượng** (người) | **Số tiền**  (nghìn đồng) |
| 2022 | 42.864 | 241.672.492 |
| 2023 | 44.109 | 254.812.966 |
| 6 tháng đầu năm 2024 | 43.127 | 131.665.780 |
| **Cộng** | **130.100** | **638.151.238** |

*(Có phụ lục 1 kèm theo)*

- Công tác xác định lập hồ sơ, xét duyệt đối tượng hưởng trợ cấp xã hội đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch và có sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và người dân tại cơ sở, do vậy đã làm tăng hiệu quả trong thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

2.2. Công tác hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

- Từ năm 2022 đến 30/6/2024, đã có 5.821 người được hưởng kinh phí hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng, với số tiền 9.585.410 nghìn đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số đối tượng** (lượt người) | **Số tiền**  (nghìn đồng) |
| 2022 | 1.837 | 2.421.360 |
| 2023 | 1.926 | 3.128.440 |
| 6 tháng đầu năm 2024 | 2.058 | 4.035.610 |
| **Cộng** | **5.821** | **9.585.410** |

*(Có phụ lục 1 kèm theo)*

2.3. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội

a) Tình hình đối tượng

- Từ năm 2022 đến 30/6/2024, có 523 lượt đối tượng được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, tổng kinh phí 7.011.473 nghìn đồng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số đối tượng** (người) | **Số tiền** (nghìn đồng) |
| 2022 | 169 | 2.675.916 |
| 2023 | 176 | 2.920.614 |
| 6 tháng đầu năm 2024 | 178 | 1.414.943 |
| **Cộng** | **523** | **7.011.473** |

*(Có phụ lục 1 kèm theo)*

b)Chế độ chăm sóc nuôi dưỡng

- Thực hiện quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị Quyết 26/2022/NQ-HĐND, các cơ sở trợ giúp xã hội đã áp dụng các mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng đối với các đối tượng ở trong các cơ sở Bảo trợ xã hội tùy từng loại đối tượng, gồm các mức: 1.440.000 đồng (hệ số 4), 1.800.000 đồng (hệ số 5). So với thời điểm trước khi áp dụng Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị Quyết 26/2022/NQ-HĐND, thì chế độ nuôi dưỡng hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội đã được tăng lên, góp phần cải thiện chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, chất lượng cuộc sống cho các đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Bên cạnh chế độ của nhà nước, chế độ dinh dưỡng cho các đối tượng được quan tâm bổ sung về chất và lượng cũng như an toàn vệ sinh thực phẩm, các đơn vị đã tổ chức tăng gia, trồng rau, chăn nuôi để cải thiện bữa ăn cho các đối tượng.

c) Chăm sóc y tế, dinh dưỡng, sức khỏe

- Công tác khám và điều trị phục hồi cho đối tượng nhất là đối tượng tâm thần được tổ chức thực hiện hiệu quả. Các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người tâm thần, người cao tuổi tích cực áp dụng các phương pháp chữa trị phù hợp như: Liệu pháp hóa dược; Phục hồi tâm lý xã hội; Phục hồi chức năng sinh hoạt; Phục hồi hoạt động liệu pháp; Phục hồi chức năng lao động, nên tình trạng đối tượng phát bệnh của người bệnh tâm thần được giảm, sức khỏe, tâm lý của các đối tượng cũng được tốt hơn.

- Công tác phối hợp với các cơ sở y tế (Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện quân Y 6 …) để chăm sóc, khám và điều trị bệnh cho các đối tượng nhất là các bệnh hiểm nghèo, bệnh mãn tính như suy thận mãn, tiểu đường, lao ... được các đơn vị triển khai thực hiện tốt đảm bảo các đối tượng được tiếp cận đầy đủ và kịp thời.

d) Chế độ trang cấp, mai táng phí

- Các đối tượng được cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh, sách, vở, đồ dùng học tập đối với đối tượng đang đi học và các chi phí khác.

- Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội được hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định.

2.4. Công tác trợ giúp xã hội khẩn cấp

Thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND, trong giai đoạn 2022-2024, để kịp thời hỗ trợ người dân, hộ gia đình gặp rủi ro, các địa phương đã chủ động huy động lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, nguồn lực vật chất tại chỗ, chỉ huy tại chỗ để hỗ trợ kịp thời cho hộ gia đình có người chết, mất tích, người bị thương, nhà ở đổ, sập trôi cháy, hư hỏng nặng không có chỗ ở và hộ gia đình thiếu lương thực trong và sau thiên tai, dịp tết nguyên đán và giáp hạt… kịp thời bảo đảm an sinh xã hội và giúp cho người dân sớm ổn định sản xuất.

*(Cụ thể có phụ lục 2 kèm theo)*

2.5. Đánh giá chung

a) Mặt được:

## - Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành đoàn thể và của cộng đồng trên địa bàn tỉnh đối với chính sách trợ giúp xã hội được nâng cao; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội nói chung, đảm bảo an sinh xã hội nói riêng, góp phần quan trọng trong việc ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Công tác bảo trợ xã hội luôn được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp đồng bộ của các ngành, hội, đoàn thể trong việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Việc xét duyệt trợ cấp xã hội được thực hiện đảm bảo theo quy trình, quy định của Nhà nước từ khâu hướng dẫn đối tượng thiết lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội đảm bảo tính khách quan, công bằng, đúng đối tượng. Song song với việc xét duyệt trợ cấp xã hội, việc điều chỉnh mức và hệ số trợ cấp xã hội của từng nhóm đối tượng do có sự thay đổi về mức chuẩn trợ cấp, độ tuổi, điều kiện hưởng cũng được các địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời.

- Tác động của trợ giúp xã hội đến đối tượng hưởng lợi rất tích cực, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng ngày càng bao phủ rộng. Mức trợ giúp xã hội được điều chỉnh tăng lên, hàng năm chi ngân sách nhà nước thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đều tăng, năm sau cao hơn năm trước, chế độ chính sách được thực hiện kịp thời đã giảm bớt khó khăn cho các đối tượng bảo trợ xã hội góp phần ổn định đời sống, công tác đảm bảo an sinh xã hội ngày càng được nâng cao.

- Quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội hiệu quả hơn. Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý trợ giúp xã hội ở địa phương, cơ sở được kiện toàn và đi vào hoạt động tích cực. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trợ giúp xã hội có sự phân công, phân cấp rõ ràng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hơn, cộng đồng trách nhiệm trong ban hành chính sách, hướng dẫn, bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, nhất là ở địa phương, cơ sở, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời các sai sót và phát sinh mới.

- Từ cấp huyện, xã, bản đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: hàng năm rà soát, nắm đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn; công tác xác định đối tượng và hướng dẫn xác định đối tượng trợ giúp xã hội dân chủ, công khai, minh bạch, huy động được đại diện nhiều cơ quan, hội, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; tuyên truyền nâng cao nhận thức; giám sát và đánh giá. Một số địa phương có điều kiện đã chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để trợ giúp kịp thời trường hợp cần trợ giúp đột xuất như: người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác…ngoài kinh phí quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị quyết 26/2022/NQ-HĐND.

b) Bất cập:

Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 hiện đang căn cứ vào mức hưởng trợ cấp đang được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội *(Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng)*, tuy nhiên từ tháng 7/2024 Chính phủ ban hành Nghị định 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng Bảo trợ xã hội (*Có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024, quy định* *Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 500.000 đồng/tháng)* do vậy mức hưởng được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND không còn phù hợp.

# IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ thực tế và những bất cập nêu trên, Sở Y tế đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Sau khi bãi bỏ Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan đơn vị liên quan thực hiện mức trợ giúp xã hội theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Sở Y tế trân trọng báo cáo./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Như kính gửi;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Các Sở: Tài chính, Tư pháp;  - UBND các xã, phường;  - Lãnh đạo Sở;  - Phòng KHTC, Văn phòng Sở;  - Lưu: VT, BTXH&PCTNXH (H). |  | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Thị Thanh Nhâm** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |